

Biên Hòa, ngày 08 tháng 6 năm 2017

PHIẾU LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN

Để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
Sửa đổi bổ sung Quy chế tài chính Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai

Kính gửi : Quý Cổ đông :

Địa chỉ:

Số lượng cổ phần sở hữu = Số lượng quyền bỏ phiếu:

I. Tên công ty: Công ty Cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai (DOCAM)

Trụ sở: đường số 1, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, TP.Biên Hòa, Đồng Nai

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 3600333736 cấp lần đầu ngày 01/3/2010.

Nơi đăng ký kinh doanh: Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

II. Mục đích lấy ý kiến:

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua “Quy chế tài chính (Sửa đổi bổ sung) Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai”.

Hội đồng quản trị xin gửi Phiếu lấy ý kiến bằng văn bản này đến các quý Cổ đông và đề nghị quý Cổ đông biểu quyết thông qua các nội dung (chi tiết theo tài liệu gửi kèm) dưới đây:

III. Vấn đề cần lấy ý kiến thông qua:

- Thông qua “Sửa đổi bổ sung Quy chế tài chính Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai”.

Biểu quyết:

☐ Tán thành

☐ Không tán thành

☐ Không có ý kiến

Lưu ý về cách thức biểu quyết:

- Đánh dấu (x) vào 01 trong 03 ô: Tán thành, hoặc Không tán thành hoặc Không có ý kiến;

- Phiếu biểu quyết không hợp lệ trong các trường hợp sau: (1) đánh dấu vào từ 2 ô trở lên tại vấn đề cần lấy ý kiến thì phiếu biểu quyết đó không hợp lệ; (2) không có chữ ký (nếu cổ đông là cá nhân), không có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức;

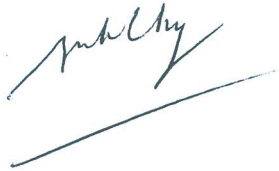
- Khi cả 3 ô (tán thành, không tán thành, không có ý kiến) tại vấn đề cần lấy ý kiến không được đánh dấu (x) nhưng Cổ đông vẫn ký, ghi rõ họ tên vào Văn bản này thì được xem là không có ý kiến.

IV. Thời gian gửi Phiếu lấy ý kiến:

Để thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông theo qui định của Điều lệ công ty và làm cơ sở để ban hành Quy chế tài chính năm 2017, đề nghị quý cổ đông có ý kiến và gửi lại Phiếu lấy ý kiến bằng văn bản này về Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai - địa chỉ: **đường số 1, khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai** trước ngày 26/6/2017 để Hội đồng quản trị công ty tổng hợp theo quy định.

Kính chào trân trọng./.

Người đại diện theo pháp luật



Phan Thị Anh Thy

Chủ tịch HĐQT



Phùng Văn Nhì

Xác nhận của Cổ đông

(Ký ghi rõ họ tên của cổ đông là cá nhân;
của người đại diện theo ủy quyền hoặc
người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức)

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /NQ/ĐHĐCĐ-2017

Biên Hòa, ngày tháng 6 năm 2017

“Dự thảo”

NGHỊ QUYẾT

Về việc Ban hành Quy chế tài chính (sửa đổi bổ sung năm 2017)
(được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

Căn cứ Quyết định số 3310/QĐ-UB ngày 11/11/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH một thành viên Vật tư nông nghiệp Đồng Nai thành công ty cổ phần;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 3600333736 do Phòng Đăng ký kinh doanh- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu ngày 01/3/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 04/4/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu ngày tháng 6 năm 2017 về kết quả lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Sửa đổi bổ sung Quy chế tài chính Công ty Cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1- Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua Quy chế tài chính Công ty Cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai (Sửa đổi bổ sung năm 2017) gồm 4 chương, 38 điều, với tỷ lệ biểu quyết tán thành%

Điều 2- Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty chịu trách nhiệm tổ chức triển khai và thực hiện Quy chế tài chính theo đúng qui định.

Điều 3- Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký. Tất cả các Cổ đông của Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT, BKS, BGĐ;
- Lưu HĐQT.

Phùng Văn Nhi

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ TÀI CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Điều khoản trong Quy chế	Nội dung Quy chế hiện hành	Đề xuất nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung	Giải trình
Bắt đầu Quy chế	Căn cứ: - Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp; - - Điều lệ Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai	Căn cứ: - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp; - - Điều lệ Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại kỳ họp thường niên ngày 27/4/2016.	Luật Doanh nghiệp năm 2014 thay thế cho Luật Doanh nghiệp năm 2005
Điều 4	Điều 4. Vốn điều lệ và điều chỉnh vốn điều lệ 1. Vốn điều lệ: a) Vốn điều lệ của Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai tại thời điểm thông qua quy chế này là 100.000.000.000 (Một trăm tỷ) đồng; b) Công ty chịu trách nhiệm về vốn điều lệ ghi ở điểm a điều này. 2. Điều chỉnh vốn điều lệ: Trong quá trình kinh doanh, Công ty chỉ có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo đúng quy định của pháp luật. Khi tăng vốn điều lệ, Công ty phải điều chỉnh kịp thời trong bảng cân đối kế toán và đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh. Nguồn bổ sung vốn điều lệ bao gồm : - Phát hành thêm cổ phần;	Điều 4. Vốn điều lệ và thay đổi vốn điều lệ 1. Vốn điều lệ: a) Vốn điều lệ của Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai tại thời điểm thông qua Quy chế này là 100.000.000.000 (Một trăm tỷ) đồng; b) Công ty chịu trách nhiệm về vốn điều lệ ghi ở điểm a điều này. 2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ trong các trường hợp sau đây: a) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty nếu công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn 02 năm, kể từ ngày đăng ký doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ	Thay đổi theo Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ công ty

	- Lợi nhuận sau thuế của công ty; - Các nguồn khác theo qui định của pháp luật.	các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông; b) Công ty mua lại cổ phần đã phát hành quy định tại Điều 129 và Điều 130 của Luật Doanh nghiệp; c) Vốn điều lệ không được các cổ đông thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Điều 112 của Luật Doanh nghiệp.	
Điều 5	Điều 5. Huy động vốn 1. Ngoài số vốn do Chủ sở hữu đầu tư, Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai được quyền huy động của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo qui định của pháp luật để phục vụ kinh doanh theo nguyên tắc không được làm thay đổi hình thức sở hữu Công ty. Việc huy động vốn của các tổ chức, cá nhân nước ngoài theo qui định của Chính phủ về quản lý vay và trả nợ nước ngoài. Công ty chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn vay, có trách nhiệm hoàn trả vốn đã huy động và lãi cho chủ nợ theo cam kết. <u>Đối với các khoản huy động vốn có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị.</u> <u>Đối với các khoản huy động vốn có giá trị từ 30% đến nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc.</u> <u>Các khoản huy động vốn có giá trị dưới 30% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty do Giám đốc quyết định.</u>	Điều 5. Huy động vốn 1. Ngoài số vốn do Chủ sở hữu đầu tư, Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai được quyền huy động của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo qui định của pháp luật để phục vụ kinh doanh theo nguyên tắc không được làm thay đổi hình thức sở hữu Công ty. Việc huy động vốn của các tổ chức, cá nhân nước ngoài theo qui định của Chính phủ về quản lý vay và trả nợ nước ngoài. Công ty chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn vay, có trách nhiệm hoàn trả vốn đã huy động và lãi cho chủ nợ theo cam kết. Đối với các khoản huy động vốn có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty do Hội đồng quản trị quyết định thông qua. Đối với các khoản huy động vốn có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty do Giám đốc quyết định.	Điều chỉnh theo Điều lệ công ty

Điều 6	Điều 6. Đầu tư vốn ra ngoài Công ty 1. Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai được sử dụng vốn và tài sản để đầu tư ra ngoài Công ty theo qui định của pháp luật và đảm bảo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, tăng thu nhập và không làm ảnh hưởng đến mục tiêu hoạt động của công ty. Việc sử dụng giá trị quyền sử dụng đất để góp vốn đầu tư ra ngoài công ty phải theo qui định của Luật đất đai và các qui định của Nhà nước có liên quan. 2. Các hình thức đầu tư ra ngoài Công ty: - Thành lập công ty con; - Mua cổ phần hoặc góp vốn vào công ty khác; - Góp vốn để thành lập Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn, Công ty liên doanh, Công ty liên kết; - Góp vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh không hình thành pháp nhân mới; - Các hình thức đầu tư khác theo qui định của pháp luật. Việc đánh giá lại tài sản để góp vốn liên doanh, thành lập Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn... thực hiện theo qui định của pháp luật hiện hành. 3. Thẩm quyền quyết định phương án đầu tư vốn ra ngoài Công ty : a) Đại hội đồng cổ đông phê duyệt phương án thành lập Công ty con, góp vốn để thành lập công ty liên doanh có vốn đầu tư nước ngoài tại	Điều 6. Đầu tư vốn ra ngoài Công ty 1. Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai được sử dụng vốn và tài sản để đầu tư ra ngoài Công ty theo qui định của pháp luật và đảm bảo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, tăng thu nhập và không làm ảnh hưởng đến mục tiêu hoạt động của công ty. Việc sử dụng giá trị quyền sử dụng đất để góp vốn đầu tư ra ngoài công ty phải theo qui định của Luật đất đai và các qui định của Nhà nước có liên quan. 2. Các hình thức đầu tư ra ngoài Công ty: - Thành lập công ty con; - Mua cổ phần hoặc góp vốn vào công ty khác; - Góp vốn để thành lập Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn, Công ty liên doanh, Công ty liên kết; - Góp vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh không hình thành pháp nhân mới; - Các hình thức đầu tư khác theo qui định của pháp luật. Việc đánh giá lại tài sản để góp vốn liên doanh, thành lập Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn... thực hiện theo qui định của pháp luật hiện hành. 3. Thẩm quyền quyết định phương án đầu tư vốn ra ngoài Công ty : a) Đại hội đồng cổ đông phê duyệt phương án thành lập Công ty con, góp vốn để thành lập công ty liên doanh có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt nam, đầu tư hoặc góp vốn đầu tư thành lập công ty ở nước ngoài, mua công ty khác. b) Các phương án đầu tư khác:	
--------	--	--	--

	Việt nam, đầu tư hoặc góp vốn đầu tư thành lập công ty ở nước ngoài, mua công ty khác. b) Các phương án đầu tư khác: - <u>Đại hội đồng cổ đông quyết định các phương án đầu tư có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.</u> - <u>Hội đồng quản trị quyết định các phương án đầu tư có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.</u> 4. Quản lý phần vốn đầu tư ra ngoài Công ty: Giữ nguyên	- Đại hội đồng cổ đông quyết định các phương án đầu tư có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. - Hội đồng quản trị quyết định các phương án đầu tư có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; Hội đồng quản trị phân cấp ủy quyền cho Giám đốc quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị nhỏ hơn 15% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. 4. Quản lý phần vốn đầu tư ra ngoài Công ty: <i>Giữ nguyên</i>	Điều chỉnh theo Điều lệ công ty
Điều 8	Điều 8. Bảo toàn vốn Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai có trách nhiệm bảo toàn vốn bằng các biện pháp : 1. Thực hiện đúng chế độ quản lý, sử dụng tài sản, vốn, chế độ quản lý tài chính khác và chế độ kế toán theo qui định của Nhà nước 2. Mua bảo hiểm tài sản theo qui định của pháp luật. 3. Hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ giá trị tài sản tổn thất, các khoản nợ không thu được và trích lập các khoản dự phòng rủi ro sau đây: a) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho; b) Dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi; c) Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn; d) Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp; e) <u>Dự phòng trợ cấp mất việc làm, thôi việc.</u>	Điều 8. Bảo toàn vốn Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai có trách nhiệm bảo toàn vốn bằng các biện pháp : 1. Giữ nguyên 2. Giữ nguyên 3. Hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ giá trị tài sản tổn thất, các khoản nợ không thu được và trích lập các khoản dự phòng rủi ro sau đây: a) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho; b) Dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi; c) Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn; d) Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp; Việc trích lập, sử dụng các khoản dự phòng này được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.	

	Việc trích lập, sử dụng các khoản dự phòng này được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước. 4. Các biện pháp khác về bảo tồn vốn công ty theo qui định của pháp luật.	4. Các biện pháp khác về bảo toàn vốn công ty theo qui định của pháp luật.	Bỏ dự phòng trợ cấp mất việc làm, thôi việc
Điều 9	Điều 9. Tài sản cố định (TSCĐ), đầu tư tài sản cố định 1. Tài sản cố định của công ty bao gồm tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình. Tiêu chuẩn và nguyên giá tài sản cố định xác định theo qui định của Bộ Tài chính. 2. Công ty được lựa chọn các phương án đầu tư xây dựng, mua sắm TSCĐ, đổi mới thiết bị công nghệ hoặc thay đổi cơ cấu TSCĐ phù hợp với mục tiêu kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản và vốn. Thẩm quyền quyết định đầu tư mua sắm tài sản cố định của công ty: a) <u>Đại hội đồng cổ đông</u> quyết định đầu tư mua sắm tài sản cố định có giá trị <u>bằng hoặc lớn hơn 50%</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và các phương án đầu tư có mức vốn đầu tư thuộc nhóm A và nhóm B theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng. b) <u>Hội đồng quản trị</u> quyết định đầu tư mua sắm tài sản cố định có giá trị <u>dưới 50%</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Hội đồng quản trị phân cấp, ủy quyền cho <u>Giám đốc quyết định</u> đầu tư mua sắm tài sản cố định có giá trị <u>dưới 30%</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.	Điều 9. Tài sản cố định (TSCĐ), đầu tư tài sản cố định 1. <i>Giữ nguyên</i> 2. Công ty được lựa chọn các phương án đầu tư xây dựng, mua sắm TSCĐ, đổi mới thiết bị công nghệ hoặc thay đổi cơ cấu TSCĐ phù hợp với mục tiêu kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản và vốn. Thẩm quyền quyết định đầu tư mua sắm tài sản cố định của công ty: a) Đại hội đồng cổ đông quyết định đầu tư mua sắm tài sản cố định có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và các phương án đầu tư có mức vốn đầu tư thuộc nhóm A và nhóm B theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng. b) Hội đồng quản trị quyết định đầu tư mua sắm tài sản cố định có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Hội đồng quản trị phân cấp, ủy quyền cho Giám đốc quyết định đầu tư mua sắm tài sản cố định có giá trị	Điều chỉnh theo Điều lệ công ty

	3. Trình tự, thủ tục tiến hành các dự án đầu tư thực hiện theo qui định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng. Giám đốc có trách nhiệm tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông về tiến độ, chất lượng các dự án đã quyết định đầu tư.	dưới 15% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. 3. <i>Giữ nguyên</i>	
Điều 11	Điều 11. Cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản 1. Công ty được cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản thuộc quyền sở hữu của công ty theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn, phát triển vốn và bảo đảm tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật dân sự và các quy định khác của nhà nước. 2. Thẩm quyền quyết định các hợp đồng cho thuê, thế chấp, cầm cố: - <u>Đại hội đồng cổ đông</u> quyết định các hợp đồng cho thuê, thế chấp, cầm cố có giá trị <u>bằng hoặc lớn hơn 50%</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Trong trường hợp đặc biệt, Đại hội đồng cổ đông có thể ủy quyền giao cho Hội đồng quản trị quyết định các hợp đồng này. - <u>Hội đồng quản trị</u> quyết định các hợp đồng cho thuê, thế chấp, cầm cố có giá trị <u>dưới 50%</u> tổng giá trị sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Hội đồng quản trị phân cấp, ủy quyền <u>Giám đốc</u> quyết định các hợp đồng cho thuê, thế chấp, cầm cố có giá trị <u>dưới 30%</u> tổng giá trị sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.	Điều 11. Cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản 1. Công ty được cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản thuộc quyền sở hữu của công ty theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn, phát triển vốn và bảo đảm tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật dân sự và các quy định khác của nhà nước. 2. Thẩm quyền quyết định các hợp đồng cho thuê, thế chấp, cầm cố: - Đại hội đồng cổ đông quyết định các hợp đồng cho thuê, thế chấp, cầm cố có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Trong trường hợp đặc biệt, Đại hội đồng cổ đông có thể ủy quyền giao cho Hội đồng quản trị quyết định các hợp đồng này. - Hội đồng quản trị quyết định các hợp đồng cho thuê, thế chấp, cầm cố có giá trị dưới 35% tổng giá trị sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Hội đồng quản trị phân cấp, ủy quyền Giám đốc quyết định các hợp đồng cho thuê, thế chấp, cầm cố có giá trị dưới 15% tổng giá trị sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.	Điều chỉnh theo Điều lệ công ty
Điều 12	Điều 12. Thanh lý, nhượng bán tài sản và các khoản đầu tư dài hạn	Điều 12. Thanh lý, nhượng bán tài sản và các khoản đầu tư dài hạn	

	1. Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai được quyền chủ động và có trách nhiệm nhượng bán, thanh lý tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được; các khoản đầu tư dài hạn không có nhu cầu tiếp tục đầu tư để thu hồi vốn. Việc thanh lý, nhượng bán phải tuân thủ các quy định sau: a) <u>Đại hội đồng cổ đông</u> quyết định thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các khoản đầu tư dài hạn có giá trị <u>bằng hoặc lớn hơn 50%</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. b) <u>Hội đồng quản trị</u> quyết định nhượng bán, thanh lý tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn có giá trị dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Hội đồng quản trị ủy quyền, phân cấp cho <u>Giám đốc công ty</u> quyết định nhượng bán tài sản (không bao gồm các khoản đầu tư ra ngoài công ty) có giá trị <u>nhỏ hơn 30%</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. 2. Việc thanh lý, nhượng bán tài sản được thực hiện thông qua tổ chức bán đấu giá hoặc do công ty tự tổ chức thực hiện công khai theo đúng trình tự, thủ tục qui định của pháp luật về bán đấu giá tài sản. Trường hợp giá trị còn lại của tài sản ghi trong sổ kế toán có giá trị dưới 100 triệu đồng hoặc tỷ lệ giá trị còn lại của tài sản dưới 20% thì Giám đốc quyết định lựa chọn bán theo phương thức đấu giá hoặc thỏa thuận nhưng không thấp hơn giá thị trường. Trường hợp tài sản không có	1. Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai được quyền chủ động và có trách nhiệm nhượng bán, thanh lý tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được; các khoản đầu tư dài hạn không có nhu cầu tiếp tục đầu tư để thu hồi vốn. Việc thanh lý, nhượng bán phải tuân thủ các quy định sau: a) Đại hội đồng cổ đông quyết định thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các khoản đầu tư dài hạn có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. b) Hội đồng quản trị quyết định nhượng bán, thanh lý tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Hội đồng quản trị ủy quyền, phân cấp cho Giám đốc công ty quyết định nhượng bán tài sản (không bao gồm các khoản đầu tư ra ngoài công ty) có giá trị nhỏ hơn 15% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. 2. Việc thanh lý, nhượng bán tài sản được thực hiện thông qua tổ chức bán đấu giá hoặc do công ty tự tổ chức thực hiện công khai theo đúng trình tự, thủ tục qui định của pháp luật về bán đấu giá tài sản. Trường hợp giá trị còn lại của tài sản ghi trong sổ kế toán có giá trị dưới 100 triệu đồng hoặc tỷ lệ giá trị còn lại của tài sản dưới 20% thì Giám đốc quyết định lựa chọn bán theo phương thức đấu giá hoặc thỏa thuận nhưng không thấp hơn giá thị trường. Trường hợp tài sản không có giao dịch trên thị trường thì công ty được thuê tổ chức	Điều chỉnh theo Điều lệ công ty
--	---	---	--

	giao dịch trên thị trường thì công ty được thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định giá làm cơ sở bán tài sản theo phương thức thỏa thuận. 3. Việc nhượng bán tài sản gắn liền với đất đai phải thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp thanh lý tài sản dưới hình thức dỡ bỏ, hủy bỏ phải tổ chức Hội đồng thanh lý. Giám đốc công ty quyết định thành lập Hội đồng thanh lý để thực hiện. 4. Số tiền thu được do thanh lý, nhượng bán tài sản được hạch toán vào thu nhập khác. Giá trị còn lại theo sổ sách kế toán của tài sản thanh lý, nhượng bán và chi phí thanh lý, nhượng bán được hạch toán vào chi phí khác.	có chức năng thẩm định giá xác định giá làm cơ sở bán tài sản theo phương thức thỏa thuận. 3. Việc nhượng bán tài sản gắn liền với đất đai phải thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp thanh lý tài sản dưới hình thức dỡ bỏ, hủy bỏ phải tổ chức Hội đồng thanh lý. Giám đốc công ty quyết định thành lập Hội đồng thanh lý để thực hiện. 4. Số tiền thu được do thanh lý, nhượng bán tài sản được hạch toán vào thu nhập khác. Giá trị còn lại theo sổ sách kế toán của tài sản thanh lý, nhượng bán và chi phí thanh lý, nhượng bán được hạch toán vào chi phí khác.	
Điều 14	Điều 14. Quản lý các khoản nợ phải thu Trách nhiệm của Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai trong quản lý nợ phải thu: 1. Giữ nguyên 2. Giữ nguyên 3. Giữ nguyên 4. Nợ phải thu khó đòi là các khoản nợ quá hạn thanh toán theo quy định ghi trên hợp đồng hoặc cam kết khác hoặc chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ khó có khả năng thanh toán. Công ty phải trích lập dự phòng đối với khoản nợ phải thu khó đòi theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này. Công ty có trách nhiệm xử lý các khoản phải thu không có khả năng thu hồi. Số nợ không có khả năng thu hồi được sau khi trừ tiền bồi thường của cá nhân, tập thể có liên quan được bù đắp bằng khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, <u>Quỹ dự phòng</u>	Điều 14. Quản lý các khoản nợ phải thu Trách nhiệm của Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai trong quản lý nợ phải thu: 1. Giữ nguyên 2. Giữ nguyên 3. Giữ nguyên 4. Nợ phải thu khó đòi là các khoản nợ quá hạn thanh toán theo quy định ghi trên hợp đồng hoặc cam kết khác hoặc chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ khó có khả năng thanh toán. Công ty phải trích lập dự phòng đối với khoản nợ phải thu khó đòi theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này. Công ty có trách nhiệm xử lý các khoản phải thu không có khả năng thu hồi. Số nợ không có khả năng thu hồi được sau khi trừ tiền bồi thường của cá nhân, tập thể có liên quan được bù đắp bằng khoản dự phòng	

	<u>tài chính</u>; nếu còn thiếu thì hạch toán vào chi phí kinh doanh của công ty. Nợ không có khả năng...trước pháp luật	nợ phải thu khó đòi, nếu còn thiếu thì hạch toán vào chi phí kinh doanh của công ty. Giữ nguyên	Bỏ Quỹ dự phòng tài chính
Điều 16	Điều 16. Xử lý tài sản tổn thất Tài sản tổn thất do mất mát, thiếu hụt, hư hỏng, kém phẩm chất, lạc hậu một, lạc hậu kỹ thuật, tồn kho ứ đọng trong kiểm kê định kỳ và kiểm kê đột xuất, Công ty phải xác định giá trị đã bị tổn thất, nguyên nhân trách nhiệm và xử lý như sau: 1. Nếu nguyên nhân do chủ quan của tập thể và cá nhân thì người gây tổn thất phải bồi thường theo qui định của pháp luật. Hội đồng quản trị công ty quyết định mức bồi thường và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. 2. Tài sản đã mua bảo hiểm nếu tổn thất thì xử lý theo hợp đồng mua bảo hiểm. 3. Giá trị tổn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, của tổ chức bảo hiểm, nếu thiếu <u>được bù đắp bằng Quỹ dự phòng tài chính của Công ty. Trong trường hợp Quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp</u> thì phần thiếu được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. 4. Giữ nguyên 5. Giữ nguyên	Điều 16. Xử lý tài sản tổn thất Tài sản tổn thất do mất mát, thiếu hụt, hư hỏng, kém phẩm chất, lạc hậu một, lạc hậu kỹ thuật, tồn kho ứ đọng trong kiểm kê định kỳ và kiểm kê đột xuất, Công ty phải xác định giá trị đã bị tổn thất, nguyên nhân trách nhiệm và xử lý như sau: 1. Giữ nguyên. 2. Giữ nguyên. 3. Giá trị tổn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, của tổ chức bảo hiểm, nếu thiếu thì phần thiếu được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. 4. Giữ nguyên 5. Giữ nguyên	Không còn quỹ dự phòng tài chính
Điều 18	Điều 18. Doanh thu 1. Doanh thu của Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai bao gồm doanh thu từ hoạt động kinh doanh và thu nhập khác:	Điều 18. Doanh thu 1. Doanh thu của Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai bao gồm doanh thu từ hoạt động kinh doanh và thu nhập khác:	

	a) Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh gồm doanh thu từ hoạt động kinh doanh thông thường và doanh thu hoạt động tài chính. - Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường là toàn bộ tiền bán sản phẩm, hàng hóa, cung ứng dịch vụ phát sinh trong kỳ được khách hàng chấp nhận thanh toán sau khi trừ (-) khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và giá trị hàng bán bị trả lại (nếu có chứng từ hợp lệ); giá trị các sản phẩm hàng hóa biếu, tặng, cho, trao đổi hoặc tiêu dùng cho sản xuất trong nội bộ Công ty. - Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: + Các khoản thu phát sinh từ tiền bản quyền, <u>cho thuê các tài sản của công ty</u>, tiền lãi từ việc cho vay vốn, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ, lãi cho thuê tài chính. + Lãi do bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ; <u>tiền thu từ chuyển nhượng vốn góp</u>; cổ tức và lợi nhuận được chia từ việc đầu tư vốn ra ngoài Công ty; thu nhập về kinh doanh chứng khoán (công trái, trái phiếu, cổ phiếu). + Đối với các trường hợp đầu tư ra ngoài công ty, nếu công ty thu được bằng hàng hóa, sản phẩm thì tiền bán hàng hóa, sản phẩm đó được đưa vào doanh thu hoạt động kinh doanh của công ty. Trường hợp công ty được chia lợi nhuận trước thuế thì số tiền thu được, hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính và phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp. Nếu được chia từ lợi nhuận sau thuế, Công ty hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính và	a) Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh gồm doanh thu từ hoạt động kinh doanh thông thường và doanh thu hoạt động tài chính. - Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường là toàn bộ tiền bán sản phẩm, hàng hóa, cung ứng dịch vụ phát sinh trong kỳ được khách hàng chấp nhận thanh toán sau khi trừ (-) khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và giá trị hàng bán bị trả lại (nếu có chứng từ hợp lệ); giá trị các sản phẩm hàng hóa biếu, tặng, cho, trao đổi hoặc tiêu dùng cho sản xuất trong nội bộ Công ty. - Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: + Các khoản thu phát sinh từ tiền bản quyền, tiền lãi từ việc cho vay vốn, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ, lãi cho thuê tài chính. + Lãi do bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ; cổ tức và lợi nhuận được chia từ việc đầu tư vốn ra ngoài Công ty; thu nhập về kinh doanh chứng khoán (công trái, trái phiếu, cổ phiếu). + Đối với các trường hợp đầu tư ra ngoài công ty, nếu công ty thu được bằng hàng hóa, sản phẩm thì tiền bán hàng hóa, sản phẩm đó được đưa vào doanh thu hoạt động kinh doanh của công ty. Trường hợp công ty được chia lợi nhuận trước thuế thì số tiền thu được, hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính và phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp. Nếu được chia từ lợi nhuận sau thuế, Công ty hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính và không phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản thu này. b) Thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản, vật tư, hàng hóa, công cụ,	
--	--	---	--

	không phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản thu này. b) Thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản, vật tư, hàng hóa, công cụ, dụng cụ; các khoản phải trả nhưng không trả vì nguyên nhân từ phía chủ nợ; thu tiền bảo hiểm được bồi thường, thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; <u>các khoản thuế được ngân sách hoàn lại</u>; các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa không tính trong doanh thu; giá trị quà biếu, quà tặng của tổ chức, cá nhân tặng cho Công ty; các khoản thu nhập của năm trước hạch toán thiếu, năm nay mới phát hiện, khoản nợ khó đòi đã xử lý nay thu hồi được. 2. Điều kiện và thời điểm để xác định doanh thu được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính. a) Điều kiện: - Doanh thu phát sinh trong kỳ được khách hàng chấp nhận thanh toán có hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định hiện hành (không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu tiền). - Doanh thu phải hạch toán bằng tiền đồng Việt Nam, trường hợp doanh thu bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản giao dịch tại thời điểm phát sinh doanh thu. b) Thời điểm để xác định doanh thu: - Thời điểm hạch toán doanh thu là thời điểm Công ty đã chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm, hoàn thành việc cung cấp dịch vụ	dụng cụ; các khoản phải trả nhưng không trả vì nguyên nhân từ phía chủ nợ; thu tiền bảo hiểm được bồi thường, thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa không tính trong doanh thu; giá trị quà biếu, quà tặng của tổ chức, cá nhân tặng cho Công ty; các khoản thu nhập của năm trước hạch toán thiếu, năm nay mới phát hiện, khoản nợ khó đòi đã xử lý nay thu hồi được. 2. Điều kiện và thời điểm để xác định doanh thu được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính. a) Điều kiện: - Doanh thu phát sinh trong kỳ được khách hàng chấp nhận thanh toán có hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định hiện hành (không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu tiền). - Doanh thu phải hạch toán bằng tiền đồng Việt Nam, trường hợp doanh thu bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản giao dịch tại thời điểm phát sinh doanh thu. b) Thời điểm để xác định doanh thu: - Thời điểm hạch toán doanh thu là thời điểm Công ty đã chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm, hoàn thành việc cung cấp dịch vụ cho người mua; hoàn thành theo hợp đồng hoặc xuất hóa đơn bán hàng. - Hàng hóa sản phẩm được bán thông qua đại lý theo phương thức bán đúng giá quy định của chủ hàng và đại lý được hưởng hoa hồng thì thời điểm hạch toán doanh thu là khi hàng hóa gửi đại lý đã được bán.	
--	---	---	--

	cho người mua; hoàn thành theo hợp đồng hoặc xuất hóa đơn bán hàng. - Hàng hóa sản phẩm được bán thông qua đại lý theo phương thức bán đúng giá quy định của chủ hàng và đại lý được hưởng hoa hồng thì thời điểm hạch toán doanh thu là khi hàng hóa gửi đại lý đã được bán. - Đối với hoạt động tài chính thì thời điểm ghi nhận doanh thu được căn cứ vào từng hoạt động: + Lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, tiền bản quyền... Thời điểm ghi nhận doanh thu căn cứ vào thời gian của các hợp đồng cho vay, cho thuê, hợp đồng bán hàng hoặc kỳ hạn nhận lãi để xác định. + Cổ tức, lợi nhuận được chia xác định doanh thu khi có nghị quyết, quyết định chia cổ tức, chia lợi nhuận của cấp có thẩm quyền. + Lãi chuyển nhượng vốn, lãi do bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh xác định khi các giao dịch hoặc nghiệp vụ hoàn thành. + Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính của các hoạt động kinh doanh là thời điểm lập bảng cân đối kế toán cuối năm tài chính.	- Đối với hoạt động tài chính thì thời điểm ghi nhận doanh thu được căn cứ vào từng hoạt động: + Lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, tiền bản quyền... Thời điểm ghi nhận doanh thu căn cứ vào thời gian của các hợp đồng cho vay, cho thuê, hợp đồng bán hàng hoặc kỳ hạn nhận lãi để xác định. + Cổ tức, lợi nhuận được chia xác định doanh thu khi có nghị quyết, quyết định chia cổ tức, chia lợi nhuận của cấp có thẩm quyền. + Lãi chuyển nhượng vốn, lãi do bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh xác định khi các giao dịch hoặc nghiệp vụ hoàn thành. + Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính của các hoạt động kinh doanh là thời điểm lập bảng cân đối kế toán cuối năm tài chính.	
Điều 19	Điều 19. Chi phí hoạt động kinh doanh Chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai là các khoản	Điều 19. Chi phí hoạt động kinh doanh Chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai là các khoản chi phí	

	chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tài chính, bao gồm: 1. Chi phí sản xuất kinh doanh: a) Chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu, động lực, bán thành phẩm, dịch vụ mua ngoài (tính theo mức tiêu hao thực tế và giá gốc thực tế), chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ lao động, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí trích trước, chi phí sửa chữa lớn TSCĐ; b) Chi phí khấu hao TSCĐ; c) Chi phí tiền lương, tiền công, và các khoản phụ cấp có tính chất lương, tiền ăn giữa ca, phải trả cho người lao động do Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty quyết định theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; - Tiền lương phải được quản lý chặt chẽ và chi đúng mục đích gắn với kết quả kinh doanh trên cơ sở các định mức lao động và đơn giá tiền lương hợp lý được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, xác nhận; - Chi ăn ca cho người lao động do Giám đốc công ty quyết định phù hợp với hiệu quả sản xuất kinh doanh nhưng mức chi hàng tháng cho mỗi người lao động không vượt mức theo qui định hiện hành của Nhà nước. d) Chi phí bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động được tính theo các chế độ hiện hành của Nhà nước. e) Chi phí dịch vụ mua ngoài là khoản chi phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, bao gồm:	phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tài chính, bao gồm: 1. Chi phí sản xuất kinh doanh: a) Giữ nguyên b) Giữ nguyên c) Giữ nguyên d) Giữ nguyên e) Chi phí dịch vụ mua ngoài là khoản chi phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, bao gồm:	
--	--	--	--

	- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được hạch toán vào chi phí trong năm theo số thực chi, nếu lỗ thì phân bổ một phần cho năm sau nhưng không quá hai năm tài chính. Chi phí sửa chữa lớn đối với tài sản cố định đặc thù theo chu kỳ thì được trích trước chi phí sửa chữa theo dự toán vào chi phí sản xuất kinh doanh, thời điểm trích là cuối năm tài chính. Khi thực hiện sửa chữa lớn, nếu số thực chi lớn hơn số trích trước, phần chênh lệch được hạch toán vào chi phí trong năm. - Chi hoa hồng đại lý, chi xúc tiến thương mại: các khoản chi phí hoa hồng đại lý, ủy thác phải thể hiện trong các hợp đồng đại lý, ủy thác và chi được hạch toán theo số phải chi, có đủ chứng từ hợp lệ. - Chi phí giao dịch, tiếp khách, tiếp thị, xúc tiến thương mại, khuyến mãi, quảng cáo, hội họp theo chi phí thực tế phát sinh. Mức chi do Giám đốc quyết định, chịu trách nhiệm về mức chi cụ thể. <u>Các khoản chi này được công bố công khai cho người lao động để thực hiện và kiểm tra, giám sát.</u> Các khoản chi này phải có chứng từ hợp lệ và được hạch toán theo chi phí thực tế phát sinh. - Tiền thuê tài sản cố định hoạt động theo hợp đồng. Nếu trả một lần cho nhiều năm thì tiền thuê được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo số năm thuê tài sản đó. - Công tác phí bao gồm chi đi lại, tiền thuê chỗ ở, tiền lưu trú theo định mức do Giám đốc công ty quyết định và công bố công khai để kiểm tra, giám sát.	- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được hạch toán vào chi phí trong năm theo số thực chi, nếu lỗ thì phân bổ một phần cho năm sau nhưng không quá ba năm tài chính. Chi phí sửa chữa lớn đối với tài sản cố định đặc thù theo chu kỳ thì được trích trước chi phí sửa chữa theo dự toán vào chi phí sản xuất kinh doanh, thời điểm trích là cuối năm tài chính. Khi thực hiện sửa chữa lớn, nếu số thực chi lớn hơn số trích trước, phần chênh lệch được hạch toán vào chi phí trong năm. - Chi hoa hồng đại lý, chi xúc tiến thương mại: các khoản chi phí hoa hồng đại lý, ủy thác phải thể hiện trong các hợp đồng đại lý, ủy thác và chi được hạch toán theo số phải chi, có đủ chứng từ hợp lệ. - Chi phí giao dịch, tiếp khách, tiếp thị, xúc tiến thương mại, khuyến mãi, quảng cáo, hội họp theo chi phí thực tế phát sinh. Mức chi do Giám đốc quyết định, chịu trách nhiệm về mức chi cụ thể. Các khoản chi này phải có chứng từ hợp lệ và được hạch toán theo chi phí thực tế phát sinh. - Tiền thuê tài sản cố định hoạt động theo hợp đồng. Nếu trả một lần cho nhiều năm thì tiền thuê được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo số năm thuê tài sản đó. - Công tác phí bao gồm chi đi lại, tiền thuê chỗ ở, tiền lưu trú theo định mức do Giám đốc công ty quyết định và công bố công khai để kiểm tra, giám sát. - Các khoản chi về điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm, tiền thuê kiểm toán, tiền thuê dịch vụ pháp lý, mua bảo hiểm tài sản... - Chi phí dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh có chứng từ, hóa đơn theo chế độ quy định.	
--	---	---	--

	- Các khoản chi về điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm, tiền thuê kiểm toán, tiền thuê dịch vụ pháp lý, mua bảo hiểm tài sản... - Chi phí dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh có chứng từ, hóa đơn theo chế độ quy định. f) Chi phí dự phòng: Dự phòng giảm giá tồn kho, tổn thất đầu tư dài hạn, nợ phải thu khó đòi, <u>trợ cấp mất việc làm</u> theo quy định của pháp luật hiện hành. g) Các khoản chi khác bằng tiền gồm: - Các khoản thuế tài nguyên, thuế đất, thuế môn bài. - Tiền thuê đất. - Trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động theo mức quy định của pháp luật hiện hành <u>từ nguồn quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm, nếu thiếu</u> hạch toán vào chi phí kinh doanh. - Đào tạo nâng cao năng lực quản lý, tay nghề cho người lao động. - Chi y tế bao gồm các khoản chi cho người lao động theo qui định hiện hành của Nhà nước. - Chi nghiên cứu khoa học, nghiên cứu đổi mới công nghệ, chế thử sản phẩm mới do Hội đồng quản trị phê duyệt <u>và chịu trách nhiệm</u>. - Thưởng sáng kiến đổi mới, cải tiến kỹ thuật, quản lý và công nghệ, thưởng tăng năng suất lao động. Các khoản tiền thưởng này được hạch toán vào chi phí kinh doanh với mức thưởng tối đa không quá mức hiệu quả của sáng kiến, đổi mới, cải tiến kỹ thuật, quản lý, công nghệ, tăng năng suất lao động mang lại trong một năm. Giám đốc quyết	f) Chi phí dự phòng: Dự phòng giảm giá tồn kho, tổn thất đầu tư dài hạn, nợ phải thu khó đòi, theo quy định của pháp luật hiện hành. g) Các khoản chi khác bằng tiền gồm: - Các khoản thuế tài nguyên, thuế đất, thuế môn bài. - Tiền thuê đất. - Trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động theo mức quy định của pháp luật hiện hành được hạch toán vào chi phí kinh doanh. - Đào tạo nâng cao năng lực quản lý, tay nghề cho người lao động. - Chi y tế bao gồm các khoản chi cho người lao động theo qui định hiện hành của Nhà nước. - Chi nghiên cứu khoa học, nghiên cứu đổi mới công nghệ, chế thử sản phẩm mới do Hội đồng quản trị phê duyệt. - Thưởng sáng kiến đổi mới, cải tiến kỹ thuật, quản lý và công nghệ, thưởng tăng năng suất lao động. Các khoản tiền thưởng này được hạch toán vào chi phí kinh doanh với mức thưởng tối đa không quá mức hiệu quả của sáng kiến, đổi mới, cải tiến kỹ thuật, quản lý, công nghệ, tăng năng suất lao động mang lại trong một năm. Giám đốc quyết định mức thưởng căn cứ vào hiệu quả công việc trên mang lại và phải công bố công khai các khoản thưởng.	Bỏ dự phòng trợ cấp mất việc làm
--	---	---	---

	định mức thưởng căn cứ vào hiệu quả công việc trên mang lại và phải công bố công khai các khoản thưởng. - Các khoản chi cho lao động nữ theo qui định hiện hành. - Chi cho công tác bảo vệ môi trường. - Chi phí cho công tác Đảng, đoàn thể tại công ty được lấy từ nguồn kinh phí của tổ chức này, nếu nguồn kinh phí còn thiếu được hạch toán vào chi phí kinh doanh của công ty theo qui định hiện hành. - Các chi bằng tiền khác theo qui định của pháp luật. h) Giá trị tài sản tồn thất thực tế theo Điều 16, nợ phải thu không có khả năng thu hồi theo qui định tại Điều 14 của Quy chế này. 2. Chi phí hoạt động tài chính, bao gồm: Các khoản chi phí liên quan đến đầu tư ra ngoài Công ty, tiền lãi phải trả do huy động vốn, chênh lệch tỷ giá khi thanh toán, chi phí chiết khấu thanh toán cho người mua hàng hóa dịch vụ, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn, <u>giá trị vốn góp chuyển nhượng</u> 3. Chi phí khác (giữ nguyên) 4. Không tính vào chi phí sản xuất kinh doanh các khoản đã có nguồn khác đảm bảo hoặc không liên quan đến sản xuất kinh doanh sau đây : (Giữ nguyên)	- Các khoản chi cho lao động nữ theo qui định hiện hành. - Chi cho công tác bảo vệ môi trường. - Chi phí cho công tác Đảng, đoàn thể tại công ty được lấy từ nguồn kinh phí của tổ chức này, nếu nguồn kinh phí còn thiếu được hạch toán vào chi phí kinh doanh của công ty theo qui định hiện hành. - Các chi bằng tiền khác theo qui định của pháp luật. h) Giá trị tài sản tồn thất thực tế theo Điều 16, nợ phải thu không có khả năng thu hồi theo qui định tại Điều 14 của Quy chế này. 2. Chi phí hoạt động tài chính, bao gồm: Các khoản chi phí liên quan đến đầu tư ra ngoài Công ty, tiền lãi phải trả do huy động vốn, chênh lệch tỷ giá khi thanh toán, chi phí chiết khấu thanh toán cho người mua hàng hóa dịch vụ, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn. 3. Chi phí khác (giữ nguyên) 4. Không tính vào chi phí sản xuất kinh doanh các khoản đã có nguồn khác đảm bảo hoặc không liên quan đến sản xuất kinh doanh sau đây: (Giữ nguyên)	
Điều 20	Điều 20. Giá thành sản phẩm, dịch vụ tiêu thụ Tổng giá thành toàn bộ sản phẩm, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ của Công ty cổ phần Vật tư nông	Điều 20. Giá thành sản phẩm, dịch vụ tiêu thụ Tổng giá thành toàn bộ sản phẩm, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ của Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp	

	ngành Đồng Nai bao gồm : giá thành sản phẩm, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ, chi phí quản lý công ty phát sinh trong kỳ, chi phí bán hàng, dịch vụ phát sinh trong kỳ. Nguyên tắc và phương pháp xác định giá thành sản phẩm, dịch vụ theo qui định sau: 1. Giá thành sản xuất sản phẩm, dịch vụ gồm: a) Chi phí về nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu và động lực sử dụng trực tiếp cho sản phẩm, dịch vụ; b) Các khoản phải trả người lao động trực tiếp sản xuất như: tiền lương, tiền công, và các khoản phụ cấp có tính chất lương, chi ăn giữa ca, chi bảo hiểm xã hội, <u>bảo hiểm y tế</u> và kinh phí công đoàn; c) Chi phí sản xuất chung: chi phí chung phát sinh ở các phân xưởng, bộ phận kinh doanh như tiền lương, phụ cấp, ăn giữa ca, bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật, chi phí vật liệu, bảo hộ lao động, công cụ, dụng cụ, khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác. 2. Giá thành toàn bộ sản phẩm, dịch vụ đã tiêu thụ gồm: a) Giá thành sản xuất sản phẩm, dịch vụ nêu trên; b) Chi phí bán hàng: các chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ như tiền lương, các khoản phụ cấp phải trả cho nhân viên bán hàng, hoa hồng đại lý, hoa hồng môi giới, tiếp thị, vận chuyển, bảo quản, chi phí vật liệu, dụng cụ, đồ dùng, chi phí dịch vụ mua ngoài; c) Chi phí quản lý công ty: các chi phí quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, trang phục cho nhân viên, chi phí hội nghị, tiếp tân, khánh tiết, quảng cáo và	Đồng Nai bao gồm : giá thành sản phẩm, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ, chi phí quản lý công ty phát sinh trong kỳ, chi phí bán hàng, dịch vụ phát sinh trong kỳ. Nguyên tắc và phương pháp xác định giá thành sản phẩm, dịch vụ theo qui định sau : 1. Giá thành sản xuất sản phẩm, dịch vụ gồm: a) Chi phí về nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu và động lực sử dụng trực tiếp cho sản phẩm, dịch vụ; b) Các khoản phải trả người lao động trực tiếp sản xuất như: tiền lương, tiền công, và các khoản phụ cấp có tính chất lương, chi ăn giữa ca, chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn; c) Chi phí sản xuất chung: chi phí chung phát sinh ở các phân xưởng, bộ phận kinh doanh như tiền lương, phụ cấp, ăn giữa ca, bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật, chi phí vật liệu, bảo hộ lao động, công cụ, dụng cụ, khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác. 2. Giá thành toàn bộ sản phẩm, dịch vụ đã tiêu thụ gồm: a) Giá thành sản xuất sản phẩm, dịch vụ nêu trên; b) Chi phí bán hàng: các chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ như tiền lương, các khoản phụ cấp phải trả cho nhân viên bán hàng, hoa hồng đại lý, hoa hồng môi giới, tiếp thị, vận chuyển, bảo quản, chi phí vật liệu, dụng cụ, đồ dùng, chi phí dịch vụ mua ngoài; c) Chi phí quản lý công ty: các chi phí quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, trang phục cho nhân viên, chi phí hội nghị, tiếp tân, khánh tiết, quảng cáo và	
--	---	---	--

	phí vật liệu, <u>bao bì</u>, dụng cụ, đồ dùng, chi phí dịch vụ mua ngoài; c) Chi phí quản lý công ty: các chi phí quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, trang phục cho nhân viên, chi phí hội nghị, tiếp tân, khánh tiết, quảng cáo và các chi phí chung khác có liên quan đến hoạt động của công ty; Toàn bộ chi phí bán hàng và chi phí quản lý công ty được kết chuyển cho sản phẩm, dịch vụ tiêu thụ trong năm để xác định kết quả kinh doanh.	các chi phí chung khác có liên quan đến hoạt động của công ty; Toàn bộ chi phí bán hàng và chi phí quản lý công ty được kết chuyển cho sản phẩm, dịch vụ tiêu thụ trong năm để xác định kết quả kinh doanh.	
Điều 23	Điều 23. Phân phối lợi nhuận Lợi nhuận thực hiện của Công ty, sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và bù đắp các khoản lỗ năm trước không được trừ vào lợi nhuận trước thuế, Đại hội đồng cổ đông quyết định (trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị) sử dụng theo hướng sau : 1. Trích tối thiểu 5% lập quỹ dự phòng tài chính; khi số dư quỹ này bằng 15% vốn điều lệ thì không trích lập nữa; 2. Sau khi trừ đi khoản 1 trên đây phần lợi nhuận còn lại được dùng để: a) Trích tối đa 5% lập Quỹ khen thưởng, 5% lập Quỹ phúc lợi; nhưng mức trích tối đa cho hai quỹ khen thưởng và phúc lợi không quá 3 tháng lương thực tế với điều kiện tỷ suất lợi nhuận thực hiện trước thuế trên vốn chủ sở hữu của công ty phải bằng hoặc lớn hơn tỷ suất lợi nhuận kế hoạch và không quá 2 tháng lương thực tế đối với trường hợp tỷ suất lợi nhuận thực hiện trước thuế thấp hơn kế hoạch.	Điều 23. Phân phối lợi nhuận Lợi nhuận thực hiện của Công ty, sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và bù đắp các khoản lỗ năm trước không được trừ vào lợi nhuận trước thuế, Đại hội đồng cổ đông quyết định (trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị) sử dụng theo hướng sau : 1) Trích tối thiểu 5% vào quỹ đầu tư phát triển. 2) Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động như sau: a) Lợi nhuận thực hiện bằng lợi nhuận kế hoạch thì trích tối thiểu 10% lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi nhưng mức trích tối đa cho hai Quỹ khen thưởng, phúc lợi không quá 3 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động; b) Lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch thì ngoài trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo quy định tại điểm a nêu trên, công ty được trích thêm bằng 20% phần lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch, nhưng tối đa không quá 3 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động.	Theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTB&XH

	b) Trích tối thiểu 5% vào quỹ đầu tư phát triển c) Trích tối đa 5% lập quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành Công ty. Ban quản lý điều hành Công ty gồm Hội đồng quản trị và Giám đốc, Phó giám đốc. Mức trích một năm của quỹ này không vượt quá 300 triệu đồng với điều kiện tỷ suất lợi nhuận thực hiện trước thuế trên vốn chủ sở hữu của Công ty phải bằng hoặc lớn hơn tỷ suất lợi nhuận kế hoạch; trường hợp thấp hơn thì phải giảm trừ tương ứng. d) Lợi nhuận còn lại chia cổ tức cho cổ đông công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	c) Lợi nhuận thực hiện thấp hơn kế hoạch thì trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo quy định tại điểm a nêu trên nhân với tỷ lệ phần trăm giữa lợi nhuận thực hiện so với lợi nhuận kế hoạch. 3) Trích Quỹ thưởng của người quản lý công ty: a) Lợi nhuận thực hiện bằng cao hơn lợi nhuận kế hoạch thì Quỹ thưởng của người quản lý công ty tối đa không quá 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý công ty chuyên trách. b) Lợi nhuận thực hiện thấp hơn lợi nhuận kế hoạch thì Quỹ thưởng của người quản lý công ty tối đa không quá 1 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý công ty chuyên trách. 4) Lợi nhuận còn lại chia cổ tức cho cổ đông công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	
Điều 24	Điều 24. Mục đích sử dụng các quỹ 1. Quỹ dự phòng tài chính được dùng để: <u>a) Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ khó đòi, thiên tai, địch họa, rủi ro xảy ra trong quá trình kinh doanh;</u> <u>b) Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.</u> 2. Quỹ khen thưởng được dùng để: a) Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi người quản lý, công nhân viên, người lao động trong công ty. Mức thưởng do Giám đốc quyết định sau khi tham khảo ý kiến Chủ tịch Công đoàn công ty;	Điều 24. Mục đích sử dụng các quỹ 1. Quỹ đầu tư phát triển: dùng để bổ sung vốn điều lệ Công ty, hoặc được sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. 2. Quỹ khen thưởng người lao động được dùng để: a) Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi người lao động trong công ty. Mức thưởng do Giám đốc quyết định sau khi tham khảo ý kiến Chủ tịch Công đoàn công ty; b) Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Công ty có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, mang lại hiệu quả kinh doanh; Mức thưởng do Giám đốc quyết định;	

b) <u>Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Công ty có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, mang lại hiệu quả kinh doanh; Mức thưởng do Giám đốc quyết định;</u> c) <u>Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của Công ty. Mức thưởng do Giám đốc quyết định.</u> 3. Quỹ phúc lợi dùng để: a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của công ty; b) Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể người lao động trong công ty, phúc lợi xã hội; c) Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng. d) Ngoài ra, có thể sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa hoặc làm công tác từ thiện xã hội. Việc sử dụng quỹ phúc lợi do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Chủ tịch Công đoàn công ty. 4. <u>Quỹ đầu tư phát triển: dùng để bổ sung vốn điều lệ Công ty.</u> 5. <u>Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành công ty được sử dụng để thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc công ty.</u> Mức thưởng do Đại hội đồng cổ đông quyết định gắn với kết quả hoạt động sản xuất	3. Quỹ phúc lợi dùng để: a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của công ty; b) Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể người lao động trong công ty, phúc lợi xã hội; c) Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng. d) Ngoài ra, có thể sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa hoặc làm công tác từ thiện xã hội. Việc sử dụng quỹ phúc lợi do Giám đốc quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Chủ tịch Công đoàn công ty. Căn cứ Quỹ khen thưởng, phúc lợi nêu tại điểm 2 điều 23 Quy chế này, công ty quyết định phân bổ thành quỹ khen thưởng cho người lao động (không dùng quỹ khen thưởng để chi thưởng cho người quản lý công ty, trừ khoản thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng) và quỹ phúc lợi để đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi, chi cho các hoạt động phúc lợi của người lao động (bao gồm cả người quản lý công ty). 4. Quỹ thưởng của người quản lý công ty: được sử dụng để thưởng cho người quản lý công ty chuyên trách theo quy định của pháp luật hiện hành.	
---	---	--

	kinh doanh của Công ty, trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị. Việc sử dụng các quỹ nói trên phải thực hiện công khai theo quy chế công khai tài chính, quy chế dân chủ ở cơ sở và quy định của Nhà nước. Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai không được chi các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ thưởng Ban quản lý điều hành, khi chưa thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác đến hạn phải trả.	Việc sử dụng các quỹ nói trên phải thực hiện công khai theo quy chế công khai tài chính, quy chế dân chủ ở cơ sở và quy định của Nhà nước, có sự tham gia của Ban chấp hành Công đoàn Công ty trước khi thực hiện. Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai không được chi các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý khi chưa thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác đến hạn phải trả.	
Điều 25	Điều 25. Kế hoạch tài chính Căn cứ vào chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn phù hợp với kế hoạch định hướng phát triển kinh doanh của công ty. <u>Chậm nhất là ngày 31/3 của năm kế hoạch</u>, Hội đồng quản trị công ty báo cáo Đại hội đồng cổ đông kế hoạch tài chính của công ty để làm căn cứ giám sát và đánh giá kết quả quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị công ty và Giám đốc công ty.	Điều 25. Kế hoạch tài chính Căn cứ vào chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn phù hợp với kế hoạch định hướng phát triển kinh doanh của công ty. Hội đồng quản trị công ty báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên kế hoạch tài chính của công ty để làm căn cứ giám sát và đánh giá kết quả quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị công ty và Giám đốc công ty.	
Điều 29	Điều 29. Giám sát và đánh giá hoạt động của công ty; Công khai tài chính. <u>Việc giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của công ty thực hiện theo Quyết định 224/2006/QĐ-TTg ngày 06/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát và đánh giá hiệu quả doanh nghiệp nhà nước và văn bản hướng dẫn liên quan.</u>	Điều 29. Giám sát và đánh giá hoạt động của công ty; Công khai tài chính. - Công ty cổ phần đại chúng thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán. - Việc giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp	Theo Luật Doanh nghiệp 2014

	Công ty thực hiện chế độ dân chủ ở cơ sở và chế độ công khai tình hình tài chính của Công ty theo quy định hiện hành của Nhà nước.	có vốn nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. - Công ty thực hiện chế độ dân chủ ở cơ sở và chế độ công khai tình hình tài chính của Công ty theo quy định hiện hành của Nhà nước.	
Điều 30	Điều 30. Quyền hạn của Hội đồng quản trị Công ty. 1. Hội đồng quản trị thực hiện chức năng quản lý Công ty theo quy định tại Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp, trong phạm vi thẩm quyền của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát các hoạt động tài chính của Công ty. 2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông, Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, đảm bảo thực hiện mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. 3. Trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và tổ chức thực hiện các đề án về tổ chức lại, giải thể công ty. 4. Trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt các vấn đề sau đây: a) Thông qua định hướng phát triển công ty. b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần. c) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm, trên cơ sở những tài liệu, số liệu đã được kiểm toán độc lập d) Quyết định việc sử dụng vốn của Công ty để thành lập công ty con, các dự án đầu tư, góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác, nhượng bán tài sản có giá trị <u>bằng hoặc lớn hơn 50% tổng</u>	Điều 30. Quyền hạn của Hội đồng quản trị Công ty. 1. Hội đồng quản trị thực hiện chức năng quản lý Công ty theo quy định tại Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp, trong phạm vi thẩm quyền của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát các hoạt động tài chính của Công ty. 2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông, Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, đảm bảo thực hiện mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. 3. Trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và tổ chức thực hiện các đề án về tổ chức lại, giải thể công ty. 4. Trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt các vấn đề sau đây: a) Thông qua định hướng phát triển công ty. b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần. c) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm, trên cơ sở những tài liệu, số liệu đã được kiểm toán độc lập d) Quyết định việc sử dụng vốn của Công ty để thành lập công ty con, các dự án đầu tư, góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác, nhượng bán tài sản	

	giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. e) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp. 5. Căn cứ vào các chủ trương định hướng của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau: a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty. b) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị <u>nhỏ hơn 50%</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty; c) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị <u>từ 30% đến nhỏ hơn 50%</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của công ty. d) Cử người đại diện phần vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác của Công ty. e) Kiểm tra, giám sát Giám đốc trong việc sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn công ty, thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước, giám sát người đại diện phần vốn góp của Công ty ở doanh nghiệp khác trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo qui định. f) Quyết định và báo cáo Đại hội đồng cổ đông các vấn đề khác theo qui định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.	có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. e) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp. 5. Căn cứ vào các chủ trương định hướng của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau: a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty. b) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty; c) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của công ty. d) Cử người đại diện phần vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác của Công ty. e) Kiểm tra, giám sát Giám đốc trong việc sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn công ty, thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước, giám sát người đại diện phần vốn góp của Công ty ở doanh nghiệp khác trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo qui định. f) Quyết định và báo cáo Đại hội đồng cổ đông các vấn đề khác theo qui định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.	Theo Điều lệ công ty
Điều 32	Điều 32. Quyền hạn của Giám đốc.	Điều 32. Quyền hạn của Giám đốc.	

	1. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. 2. Giám đốc là người có quyền điều hành cao nhất hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và trực tiếp chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc tổ chức quản lý, điều hành toàn diện các hoạt động tác nghiệp hàng ngày của công ty; Sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của công ty và thi hành các quyết định của Hội đồng quản trị theo nhiệm vụ quyền hạn được giao. 3. Quyết định biện pháp, giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; quyết định hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị <u>nhỏ hơn 30% tổng giá trị tài sản</u> được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của công ty. 4. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty. 5. Xây dựng đề trình Hội đồng quản trị kế hoạch tài chính dài hạn và kế hoạch tài chính hàng năm phù hợp với kế hoạch kinh doanh; các định mức kinh tế- kỹ thuật, định mức lao động, đơn giá tiền lương, định mức khấu hao, chi phí tài chính và chi phí khác phù hợp với qui định của pháp luật và điều kiện kinh doanh của công ty để Hội đồng quản trị quyết định hoặc làm căn cứ trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua theo thẩm quyền qui định tại Điều lệ công ty và Quy chế tài chính này. 6. Các quyền hạn khác quy định tại Điều lệ công ty.	1. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. 2. Giám đốc là người có quyền điều hành cao nhất hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và trực tiếp chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc tổ chức quản lý, điều hành toàn diện các hoạt động tác nghiệp hàng ngày của công ty; Sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của công ty và thi hành các quyết định của Hội đồng quản trị theo nhiệm vụ quyền hạn được giao. 3. Quyết định biện pháp, giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; quyết định hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của công ty. 4. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty. 5. Xây dựng đề trình Hội đồng quản trị kế hoạch tài chính dài hạn và kế hoạch tài chính hàng năm phù hợp với kế hoạch kinh doanh; các định mức kinh tế- kỹ thuật, định mức lao động, đơn giá tiền lương, định mức khấu hao, chi phí tài chính và chi phí khác phù hợp với qui định của pháp luật và điều kiện kinh doanh của công ty để Hội đồng quản trị quyết định hoặc làm căn cứ trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua theo thẩm quyền qui định tại Điều lệ công ty và Quy chế tài chính này. 6. Các quyền hạn khác quy định tại Điều lệ công ty.	Theo Điều lệ công ty
Điều 36	Người đại diện có trách nhiệm 1. Giữ nguyên	Người đại diện có trách nhiệm 1. Giữ nguyên	

	2. Nội dung báo cáo: Giữ nguyên 3. Thời hạn báo cáo: Giữ nguyên	2. Nội dung báo cáo: a) Báo cáo tài chính. b) ... g) Giữ nguyên 3. Thời hạn báo cáo: Giữ nguyên	
Điều 38	Điều 38. Điều khoản thi hành 1. Quy chế này có hiệu lực thi hành từ ngày ký . 2. Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này. 3. Trong quá trình thực hiện các điều khoản của Quy chế, nếu có điểm nào không còn phù hợp với các qui định, luật pháp của nhà nước hiện hành thì lấy các qui định, luật pháp hiện hành làm căn cứ để thi hành.	Điều 38. Điều khoản hiệu lực thi hành 1. Quy chế này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. 2. Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này. 3. Trong quá trình thực hiện các điều khoản của Quy chế, nếu có điểm nào không còn phù hợp với các qui định, luật pháp của nhà nước hiện hành thì lấy các qui định, luật pháp hiện hành làm căn cứ để thi hành.	

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI